

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25-7-2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đức Huân;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Dũng.

2. Bà Đinh Thị Tin.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Thăng Long-Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25/7/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 147/2024/TLST-HNGĐ ngày 21/5/2024 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/7/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu dân cư V1, phường TH, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1988.

Nơi đăng ký HKTT: Khu dân cư V1, phường TH, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Phòng 211, nhà trọ Nguyễn Văn Cường, Ấp 4, xã LT, huyện NT, tỉnh Đ.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1988 trên cơ sở tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã - Nay là phường TH, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào ngày 16/11/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống tại phường TH, thị xã Kinh Môn được một vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng

về quan điểm sống. Mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần động viên, khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị H1 đã bỏ đi làm ăn xa, sống ly thân với anh từ tháng 10/2020 đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, thi thoảng chị H1 có gọi điện về nhưng chỉ để nói chuyện với con. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị H1.

- Quan hệ về con chung: Vợ chồng anh có 01 con là Nguyễn Hữu Toàn, sinh ngày 01/11/2009. Con do anh trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly thân. Nay ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con và tự nguyện không yêu cầu chị H1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hiện anh đang làm công việc lái xe chở hàng, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 10.000.000đ.

- Quan hệ về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Bản tự khai, bị đơn chị Nguyễn Thị H1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị đã nhận được tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn gửi và nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án. Chị đã có văn bản lựa chọn Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương là Tòa án giải quyết vụ án ly hôn của vợ chồng chị. Chị và anh T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã - nay là phường TH, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào ngày 16/11/2008. Sau khi kết hôn chị về gia đình anh T1 chung sống. Quá trình chung sống tại đây đến tháng 10/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng trong cuộc sống và phát triển kinh tế gia đình. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo, động viên nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng. Do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng chị đã sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay, không còn quan tâm liên lạc gì với nhau. Trong thời gian sống ly thân, chị đi lao động ở nhiều nơi, hiện nay chị đang cư trú và làm việc ở ấp 4, xã LT, huyện NT, tỉnh Đ. Nay anh T1 có đơn xin ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài nên nhất trí ly hôn với anh T1.

- Quan hệ về con chung: Vợ chồng chị có 01 con là Nguyễn Hữu Toàn, sinh ngày 01/11/2009. Con do anh T1 nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng sống ly thân. Nay ly hôn, do điều kiện công việc phải đi làm ăn xa nhà nên chị đề nghị Tòa án giao con cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng.

- Quan hệ về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Biên bản ghi lời khai, người làm chứng - bà Trương Thị Ngát trình bày: Bà là mẹ đẻ anh T1, chị H1 là con dâu bà. Anh T1, chị H1 kết hôn vào năm 2008, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã-Nay là phường

TH, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, anh T1, chị H1 chung sống tại nhà đất của gia đình bà. Quá trình chung sống cùng, bà nắm được hai anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, làm ăn thua lỗ nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải, khuyên bảo nhưng không được. Do mâu thuẫn trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân nhau từ khoảng cuối năm 2020 đến nay. Anh T1 hiện vẫn đang sống tại gia đình bà, còn chị H1 đi làm ăn xa không biết địa chỉ cụ thể ở đâu. Theo thông tin từ anh T1 thì bà được biết chị H1 hiện đang làm ăn ở NT - Đ. Nay anh T1 làm đơn xin ly hôn chị H1, quan điểm của bà xác định hai anh chị không thể hàn gắn tình cảm, sống ly thân nhau đã lâu và không quan tâm gì đến nhau nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho hai anh chị ly hôn với nhau; quan hệ về con chung: Anh T1, chị H1 có 01 con là Nguyễn Hữu Toàn, sinh ngày 01/11/2009, khi ly hôn anh T1 có quan điểm được nuôi cháu Toàn thì bà đồng ý vì từ khi hai anh chị sống ly thân thì cháu Toàn sống cùng anh T1 tại gia đình bà. Anh T1 làm nghề lái xe chở hàng có thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000đ nên anh T1 hoàn toàn có đủ điều kiện để nuôi dưỡng chăm sóc cháu Toàn, bản thân bà cũng đang trực tiếp hỗ trợ anh T1 trong việc nuôi dưỡng chăm sóc cháu Toàn.

Theo Biên bản ghi lời khai, người làm chứng - ông Nguyễn Thế Hình trình bày: Ông có quan hệ là bố đẻ của chị H1, anh T1 là con rể ông. Anh T1, chị H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã - Nay là phường TH, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào năm 2008. Sau khi kết hôn chị H1 về gia đình anh T1 chung sống. Quá trình chung sống tại đây, ông được biết anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách trái ngược nhau, thường xuyên bất đồng trong cuộc sống và làm ăn kinh tế gia đình. Hai bên gia đình đã nhiều lần động viên, hòa giải nhưng đều không đi đến kết quả. Do mâu thuẫn trầm trọng nên hai anh chị sống ly thân nhau từ cuối năm 2020 đến nay. Hiện chị H1 đang làm ăn sinh sống tại Ấp 4, xã LT, huyện NT, tỉnh Đ. Nay anh T1 làm đơn ly hôn, ông xác định hai anh chị không còn tình cảm, mâu thuẫn đã kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của anh T1; quan hệ về con chung: Anh T1, chị H1 có 01 con là cháu Nguyễn Hữu Toàn sinh ngày 01/11/2009. Con do anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly thân. Trường hợp anh chị ly hôn, ông đề nghị Tòa án giao cháu Toàn cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng.

Tại bản tự khai ngày 22/5/2024, cháu Nguyễn Hữu Toàn trình bày: Cháu là con trai của bố Nguyễn Hữu T1 và mẹ Nguyễn Thị H1. Cháu đang sinh sống ổn định cùng bố cháu tại khu dân cư V1, phường TH, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Nay bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với bố cháu.

Tại biên bản xác minh ngày 08/02/2023 chính quyền địa phương phường TH cung cấp: Anh T1, chị H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp, có

đăng ký kết hôn tại UBND phường TH vào ngày 16/11/2008. Sau ngày cưới chị H1 về ngay gia đình anh T1 chung sống. Quá trình chung sống tại đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm được cụ thể. Qua nắm bắt tình hình khu dân cư được biết hai anh chị đã sống ly thân được một thời gian, hiện anh T1 vẫn đang sinh sống tại khu dân cư V1, phường TH còn chị H1 đang sinh sống và làm ăn tại LT - NT - Đ. Nay anh T1 có đơn xin ly hôn chị H1, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào tình trạng mâu thuẫn, lời khai của hai bên để giải quyết theo quy định của pháp luật; anh T1, chị H1 có một con là Nguyễn Hữu Toàn, sinh ngày 01/11/2009, con do anh T1 nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly thân. Trường hợp hai anh chị ly hôn, căn cứ vào tình hình thực tế, điều kiện nuôi con của hai bên, UBND phường đề nghị Tòa án giao con cho anh T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện VKSND thị xã Kinh Môn phát biểu ý kiến, xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu T1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Hữu T1 ly hôn chị Nguyễn Thị H1; về quan hệ con chung: Giao con Nguyễn Hữu Toàn, sinh ngày 01/11/2009 cho anh Nguyễn Hữu T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T1 về việc không yêu cầu chị H1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; về án phí: Anh Nguyễn Hữu T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về ly hôn, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại: Phòng 211, nhà trọ Nguyễn Văn Cường, Ấp 4, xã LT, huyện NT, tỉnh Đ có văn bản lựa chọn Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn-Nơi cư trú của nguyên đơn là Tòa án giải quyết vụ án nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về sự vắng mặt của đương sự:* Anh Nguyễn Hữu T1, chị Nguyễn Thị H1 vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1

Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[1.3]. *Về thủ tục hòa giải*: Quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Hữu T1 kết hôn với chị Nguyễn Thị H1 vào ngày 16/11/2008 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã - nay là phường TH, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống tại gia đình anh T1 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng trong cuộc sống. Do mâu thuẫn càng thẳng nên anh T1, chị H1 sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Nay anh T1 yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị H1 đồng ý. Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa anh T1, chị H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh T1 được ly hôn chị H1.

[3]. *Quan hệ về con chung*: Anh T1 và chị H1 có một con là Nguyễn Hữu Toàn, sinh ngày 01/11/2009. Con do anh T1 nuôi dưỡng từ khi vợ chồng sống ly thân. Nay ly hôn, anh T1 có nguyện vọng được nuôi dưỡng con; con Nguyễn Hữu Toàn có nguyện vọng được tiếp tục ở với bố; chị H1 đề nghị giao con cho anh T1 nuôi dưỡng. Xét điều kiện nuôi con của anh T1, Hội đồng xét xử thì thấy: Anh T1 có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định, được gia đình hỗ trợ trong việc nuôi dưỡng giáo dục cháu Toàn; cháu Toàn do anh T1 nuôi dưỡng khỏe mạnh, phát triển bình thường; gia đình hai bên và chính quyền địa phương phường TH đều đề nghị Tòa án giao cháu Toàn cho anh T1 nuôi dưỡng. Căn cứ vào điều kiện nuôi con của anh T1, trên cơ sở đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em tại địa phương, HĐXX thấy cần giao cháu Toàn cho anh T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T1 về việc không yêu cầu chị H1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

[4]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều: 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu T1. Xử cho anh Nguyễn Hữu T1 ly hôn chị Nguyễn Thị H1.

2. Quan hệ về con chung: Giao cho anh Nguyễn Hữu T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Hữu Toàn, sinh ngày 01/11/2009 đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Hữu T1 về việc không yêu cầu chị Nguyễn Thị H1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Chị Nguyễn Thị H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Hữu T1 phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được đối trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn theo Biên lai thu số 0002442 ngày 21/5/2024. Anh Nguyễn Hữu T1 đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- UBND phường TH (để vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Đức Huân